

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỘC HÓA  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/DS-ST

Ngày: 23-6-2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC HÓA, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Khởi

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thành Hiệp

2. Ông Võ Ngọc Bội

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Ngày 23/6/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 79/2023/TLST- DS ngày 5/5/2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần N Đ, sinh năm: 1960 và bà Trần T H, sinh năm: 1970, Cùng địa chỉ: Xã Đ, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An. (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lê H D, sinh năm: 1977 và bà Trần T N T, sinh năm: 1978; Địa chỉ: Thị trấn T, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần N Đ và Trần T H trình bày:*

Nguyên Vào năm 2020 và 2021 vợ chồng tôi có cho bà T và ông D vay nhiều lần với tổng cộng số tiền là 5.390.000.000đ ( Năm tỷ ba trăm chín mươi triệu đồng ) đã quá hạn rất lâu mà bà T và ông D hứa hẹn mãi không trả lại cho tôi. Số tiền tôi cho bà T và ông D vay là tiền tôi vay của Ngân hàng do bà T và ông D không trả nên tôi phải bán hết đất và nhà để trả cho ngân hàng, hiện nay gia đình tôi rất khổ. Do đó nay tôi yêu cầu bà T và ông D phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho tôi trong thời gian một tháng, tôi không yêu cầu tính lãi.

Bà Trần T H: thống nhất với yêu cầu của ông Trần N Đ là yêu cầu bà T và ông D phải hoàn trả hết số tiền 5.390.000.000đ cho vợ chồng tôi trong thời gian một tháng.

Bị đơn trình bày: bà Trần T N T và ông Lê H D thừa nhận có vay của ông

Đ và bà H với tổng số tiền 5.390.000.000đ hai bên có làm biên nhận nợ. Do làm ăn thua lỗ nên không có khả năng trả lại cho ông Đ và bà H được. Nay bà T và ông D xin trả dần mỗi năm trả 30.000.000đ trả cho đến khi nào hết nợ thì thôi.

*Tại phiên tòa, Ông Đ và bà H không đồng ý với yêu cầu trả dần của ông D bà T mà yêu cầu trả gốc 5.390.000.000đ và trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật không yêu cầu tính lãi.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Trần N Đ và bà Trần T H yêu cầu ông Lê H D, bà Trần T N T phải liên đới trả số tiền nợ gốc 5.390.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Xét thấy số tiền trên phát sinh từ hợp đồng vay tài sản được quy định tại Bộ luật Dân sự và bị đơn cư trú tại huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời khai của các đương sự, việc thu thập chứng cứ của Tòa án, cũng như tại phiên tòa hôm nay xác định được như sau:

Ông Trần N Đ và bà Trần T H cho rằng: Vào năm 2020 và 2021 Ông, Bà có cho Ông Lê H D, bà Trần T N T vay số tiền gốc 5.390.000.000đ ( Năm tỷ ba trăm chín mươi triệu đồng ). Hai bên thỏa thuận lãi suất 3% tháng, hạn 3 tháng sau sẽ trả. Khi vay hai bên có làm biên nhận nợ và có chữ ký đầy đủ. Tuy nhiên, đến nay đã quá hạn trả nợ nhưng ông Ông D, bà T, vẫn chưa trả số tiền đã vay cho ông, bà. Nên ngày 27/3/2023 ông Trần N Đ và bà Trần T H gửi đơn đến TAND huyện Mộc Hóa yêu cầu giải quyết buộc ông D, bà T, phải liên đới trả lại cho ông, bà số tiền gốc vay 5.390.000.000đ số và không yêu cầu tính lãi chỉ yêu cầu trả lại gốc vay.

Nhận thấy trong hồ sơ thể hiện có giấy biên nhận nợ vào ngày 06/10/2021; ngày 8/10/2021; và 03 biên nhận ngày 17/10/2021( âm lịch ) và đều thể hiện ông Lê H D, bà Trần T N T có vay ông Trần N Đ và Trần T H với tổng số tiền gốc vay là 5.390.000.000đ và có thời hạn trả là 3 tháng và 15 ngày.

Trong các biên nhận nợ vay thể hiện các nội dung như: số tiền vay, thời hạn vay và có chữ ký xác nhận của ông D, bà T và bà H trong biên nhận.

Do đó ông Trần N Đ và bà Trần T H khởi kiện yêu cầu ông Lê H D, bà Trần T N T phải liên đới trả số tiền vay 5.390.000.000đ. ông Trần N Đ và bà Trần T H đã cung cấp được các biên nhận nợ có chữ ký của ông D, bà T, để làm

căn cứ chứng minh. Hội đồng xét xử xét thấy, khi tham gia giao dịch các đương sự là người có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành lực hành vi dân sự, việc tham gia giao dịch xuất phát từ sự tự nguyện giữa các bên, giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, có cơ sở xác định ông D, bà T, có vay ông Trần N Đ và bà Trần T H số tiền gốc vay là 5.390.000.000 đồng ( Năm tỷ ba trăm chín mươi triệu đồng ) và có nghĩa vụ liên đới phải trả số tiền trên cho ông Đ và bà H.

[3] Về yêu cầu trả lãi: Ông Trần N Đ và bà Trần T H không yêu cầu tính lãi nên không xem xét giải quyết về lãi suất.

Từ những phân tích nêu trên, có đủ căn cứ xác định ông D, bà T, phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay gốc là 5.390.000.000 đồng ( Năm tỷ ba trăm chín mươi triệu đồng ) cho ông Trần N Đ và bà Trần T H. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần N Đ và bà Trần T H.

[4] Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Đối với trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền sau khi xét xử được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[5] Về án phí:

Ông D, bà T, có nghĩa vụ liên đới chịu toàn bộ án phí theo quy định pháp luật.

Hoàn trả lại cho bà Trần T H tiền tạm ứng án dân sự sơ thẩm đã nộp.

Ông Trần N Đ trên 60 tuổi thuộc diện người cao tuổi có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không thu cho nên không hoàn trả.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 184, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông Trần N Đ và bà Trần T H đối với ông Lê H D, bà Trần T N T.

Buộc ông Lê H D, bà Trần T N T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần N Đ và bà Trần T H số tiền nợ gốc vay là: 5.390.000.000 đồng (Năm tỷ ba trăm chín mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**3. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Ông Lê H D, bà Trần T N T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 113.390.000 đồng. ( Một trăm mười ba triệu ba trăm chín mươi ngàn )

Hoàn trả lại cho Bà Trần T H số tiền: 28.347.500đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010656, ngày 05/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

**4. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

**5. Về việc thi hành án:** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mộc Hóa;
- Chi cục THADS huyện Mộc Hóa;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Khởi**